TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 471/2019/DS-PT
Ngày 10 tháng 10 năm 2019
"V/v Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý
Bà Đinh Ngọc Thu Hương
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về *"Đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2183/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1958 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Số 12 Pimlea. St.Albang Vic 3021 Australia
Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Hồng T: Ông Tăng Thành L, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố C, tỉnh C (Văn bản ủy quyền cùng ngày 04/8/2018) – Có mặt.
2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1955 – Có mặt;
Địa chỉ: Số 17D Kinh Xáng, Khóm 7, Phường 7, thành phố C, tỉnh C.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Số 435 Geelong RD Yarravilie Vic 3013 Australia.
4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện nguyên đơn trình bày: Tháng 9/2016 bà Nguyễn Hồng T kiện chùa Long Đức đến Tòa án nhân dân tỉnh B và ủy quyền cho ông Lê Văn D lo các thủ tục pháp lý. Kết quả giải quyết Chùa Long Đức đồng ý trả cho bà T và bà Q 650.000.000 đồng (mỗi người được nhận ½ số tiền này). Ông D đã nhận của Chùa Long Đức giao 650.000.000 đồng nên bà Nguyễn Hồng T khởi kiện đòi ông D phải giao trả cho bà 325.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn D trình bày: Vụ tranh chấp giữa bà T với Chùa Long Đức kéo dài hơn 01 năm, ông đã lấy tiền của vợ ông là bà Nguyễn Thị Q để thuê luật sư 222.000.000 đồng, chi phí đi lại và chi phí khác 303.000.000 đồng. Ông đã nhận của Chùa Long Đức 650.000.000 đồng nhưng trừ chi phí chỉ còn lại 125.000.000 đồng. Ông đã chuyển cho bà Q toàn bộ số tiền 650.000.000 đồng để bà Q và bà T tự chia nhau. Do đó ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông D. Số tiền ông D chuyển cho bà thì bà với bà T đã tự phân chia xong. Do là chị em ruột nên không có làm giấy tờ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 37, 38, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông Lê Văn D trả cho bà Nguyễn Hồng T 262.500.000 đồng.

Buộc ông Lê Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.125.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hoàn trả tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Hồng T; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/3/2019, bị đơn ông Lê Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì ông đã giao lại cho bà Q toàn bộ số tiền ông nhận của Chùa.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lê Văn D giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T. Ông cung cấp bổ sung chứng cứ luật sư đến tỉnh B để giải quyết vụ việc của bà Nguyễn Hồng T kiện chùa 10 lần vào các ngày (18/01/2017, 07/02/2017, 24/02/2017, 09/3/2017, 20/3/2017, 14/4/2017, 08/5/2017, 30/5/2017, 12/6/2017 và 18/7/2017), Bản án sơ thẩm chỉ khấu trừ 8 lần x 5.000.000 đồng/lần là không đúng. Yêu cầu phải tính 10 lần = 50.000.000 đồng. Do đất lên giá nên mặc dù ký hợp đồng chi phí thuê luật sư 50.000.000 đồng, nhưng thực tế luật sư lấy chi phí đến 222.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Số tiền 650.000.000 đồng ông đã nhận của Chùa thì ông đã đưa lại cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Q chia tiền với bà Nguyễn Hồng T xong, nhưng do là chị em ruột nên không có làm giấy tờ và ông cũng không có tài liệu gì để chứng minh.

Ông Tăng Thành L không đồng ý toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn D.

Kiểm sát viên có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần Bản án sơ thẩm về chi phí đi lại của luật sư.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn D đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Lê Văn D thừa nhận ông đã nhận số tiền 650.000.000 đồng của chùa Long Đức bồi thường cho bà Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Q. Đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông Lê Văn D trình bày số tiền 650.000.000 đồng ông đã chi thù lao luật sư 222.000.000 đồng, chi phí đi lại và chi phí khác 303.000.000 đồng, chỉ còn lại 125.000.000 đồng và ông đã đưa cho bà Nguyễn Thị Q chia tiền với bà Nguyễn Hồng T xong.

Bà Nguyễn Thị Q trình bày bà đã nhận tiền do ông Lê Văn D đưa và bà đã chia tiền với bà Nguyễn Hồng T xong.

Bà Nguyễn Hồng T không thừa nhận có nhận tiền do bà Nguyễn Thị Q chia như bà Nguyễn Thị Q đã trình bày.

Ngoài lời trình bày của mình, ông Lê Văn D không cung cấp được chứng cứ chứng minh chi phí thuê luật sư 222.000.000 đồng, cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông đã hoàn thành nghĩa vụ giao trả tiền cho bà Nguyễn Hồng T. Bà Nguyễn Thị Q cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã giao tiền lại cho bà Nguyễn Hồng T. Do vậy không có căn cứ để xác định ông Lê Văn D đã giao trả tiền cho bà Nguyễn Hồng T.

[4] Bà Nguyễn Thị Q là vợ ông Lê Văn D thừa nhận đã nhận tiền của ông Lê Văn D đưa lại cho bà Nguyễn Hồng T, nhưng bà Nguyễn Hồng T không thừa nhận. Việc chuyển giao nghĩa vụ của ông Lê Văn D cho người thế nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị Q không được bà Nguyễn Hồng T (người có quyền) đồng ý. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 (Khoản 1 Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005) thì ông Lê Văn D vẫn phải chịu trách nhiệm đối với bà Nguyễn Hồng T.

[5] Bản án thẩm đã khấu trừ các khoản chi hợp lý và các khoản chi khác của ông Lê Văn D được bà Nguyễn Hồng T chấp nhận gồm: Thù lao luật sư 50.000.000 đồng, chi phí khác 35.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn D xuất trình tài liệu chứng minh luật sư đến tỉnh B 10 lần = 50.000.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm xác định 08 lần = 40.000.000 đồng là chưa đúng. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn D, sửa một phần Bán án sơ thẩm theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Như vậy, ông Lê Văn D phải trả cho bà Nguyễn Hồng T [650.000.000 đồng – (phí luật sư 50.000.000 đồng + chi phí đi lại, ăn, nghỉ của luật sư 50.000.000 đồng + chi phí khác cho ông D 35.000.000 đồng)]/2 = 252.500.000 đồng.

[6] Do sửa Bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại:

Ông Lê Văn D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ông Lê Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hoàn trả tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Hồng T; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn D; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Buộc ông Lê Văn D hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng T 252.500.000 đồng *(Hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn D.

3. Ông Lê Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hoàn trả tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Hồng T; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công